

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/6/2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Thống
2. Ông Nguyễn Lập Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số X đường Y, thôn 1, xã Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trần Đ, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số X đường Y, thôn 1, xã Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ch, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày:**

Tôi (T) và ông Trần Đ chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07 tháng 08 năm 1989.

Thời gian sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc và có 04 con chung là: Trần Xuân H, sinh năm 1989; Trần Xuân H, sinh năm 1996; Trần Xuân H, sinh năm 1994, Trần Thị Bích H, sinh năm 1991.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chúng tôi có hạnh phúc và sinh ra các con chung. Tuy nhiên thời gian về sau ông Đ và tôi thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống do ông Đ thường xuyên rượu chè, say xỉn về nhà quậy phá, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình... Trước đây ông Đ còn có hành vi bạo lực đối với tôi mỗi khi say xỉn nhưng vì con nhỏ nên tôi cam chịu, cố gắng bỏ qua. Thời gian 10 năm gần đây thì ông Đ không còn có hành vi bạo lực đối với tôi nữa, nhưng vẫn thường xuyên quậy phá gia đình vợ con, có khi quậy phá cả đêm không cho tôi ngủ. Tôi đã nhiều lần tha thứ nhưng ông Đ không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện cả hai đã sống ly thân được hơn 02 tháng, không thể đoàn tụ, con cái đã trưởng thành rồi. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Đ.

Về con chung: Do các con chung đều đã hơn 18 tuổi, trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - Ông Trần Đ trình bày:**

Tôi (Đ) và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07 tháng 08 năm 1989. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu chúng tôi hạnh phúc; sau đó có xảy ra một số mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi thường xuyên uống rượu, say xỉn, quậy phá vợ con... Tuy nhiên theo quan điểm của tôi những mâu thuẫn này chưa đến mức phải ly hôn. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân được hơn 02 tháng, tôi đã sống ở nhà rẫy, thỉnh thoảng đi về nhà ở thôn 1, xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022 chúng tôi có thỏa thuận thống nhất ly hôn, nhưng sau khi về suy nghĩ lại thì tôi chưa muốn ly hôn, vì muốn có thêm thời gian vợ chồng lo lập gia đình cho con út (Hưng). Nếu vợ tôi đồng ý rút đơn về đoàn tụ thì tôi sẽ cố gắng không uống rượu, say xỉn, quậy phá vợ con nữa và sẽ có trách nhiệm hơn với gia đình.

Trường hợp vợ tôi không đồng ý rút đơn kiện ly hôn để về đoàn tụ thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là: Trần Xuân Hiệp, sinh năm 1989; Trần Xuân Hưng, sinh năm 1996; Trần Xuân Hải, sinh năm 1994, Trần Thị Bích Hoài, sinh năm 1991. Các con chung đều đã hơn 18 tuổi và trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T về ly hôn; Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Đ.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* 04 con chung là: Trần Xuân Hiệp, sinh năm 1989; Trần Xuân Hưng, sinh năm 1996; Trần Xuân Hải, sinh năm 1994, Trần Thị Bích Hoài, sinh năm 1991, hiện nay đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Các đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, căn cứ đơn yêu cầu của bà T thì nội dung tranh chấp về hôn nhân và gia đình, về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Bà Trần Thị T và bị đơn - Ông Trần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T và ông Trần Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07 tháng 08 năm 1989. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống do ông Đ uống rượu, say xỉn về nhà quậy phá, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Hiện nay bà T và ông Đ đã sống ly thân; Bà T cương quyết ly hôn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Còn ông Đ khi hòa giải (ngày 06/5/2022) đã đồng ý ly hôn với bà T nhưng sau đó lại thay đổi ý kiến và đề nghị bà T rút đơn về đoàn tụ, trường hợp bà T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật.

HĐXX xét thấy: Việc ông Đ thay đổi ý kiến khi hòa giải và không đồng ý ly hôn mà đề nghị bà T rút đơn về đoàn tụ nhưng không được bà T đồng ý. Do

đó ý kiến của ông Đ là không phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận. Về phía bà T xác định rõ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện đã sống ly thân nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T và ông Đ có 04 con chung là: Trần Xuân H, sinh năm 1989; Trần Xuân H, sinh năm 1996; Trần Xuân H, sinh năm 1994, Trần Thị Bích H, sinh năm 1991, hiện nay đã đủ 18 tuổi; Các đương sự không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- *Áp dụng*: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Trần Thị T về ly hôn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Trần Đ.

2. Về con chung: 04 con chung là: Trần Xuân Hiệp, sinh năm 1989; Trần Xuân Hưng, sinh năm 1996; Trần Xuân Hải, sinh năm 1994, Trần Thị Bích Hoài, sinh năm 1991, đã đủ 18 tuổi; Các đương sự không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012747 ngày 25/4/2022.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA DS BMT;
- UBND xã Th,
- TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức